

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2024 VÀ TRIỂN KHAI**  
**NHIỆM VỤ NĂM 2025 CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Phần thứ nhất**  
**BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH**

Năm 2024 được Chính phủ xác định là năm bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025<sup>1</sup>.

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Ở trong nước, chúng ta vừa phản ứng linh hoạt, hiệu quả trước những biến động bên ngoài; vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm và phải dành nhiều thời gian, nguồn lực giải quyết những vấn đề đột xuất, phát sinh, nhất là ứng phó, khắc phục thiên tai gây hậu quả nặng nề và còn kéo dài tại nhiều địa phương.

Trong bối cảnh, tình hình nêu trên, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã nhận định chính xác tình hình, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra kịp thời, đúng hướng, hiệu quả; linh hoạt trong điều hành để hài hòa các mục tiêu trước mắt và lâu dài. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện quyết liệt các

<sup>1</sup> Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

nhệm vụ được giao, tham mưu, chỉ đạo toàn Ngành tổ chức thực hiện kịp thời nhiều giải pháp nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt là khơi thông các điểm nghẽn về chính sách, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước và của từng địa phương. Kế thừa các kết quả quan trọng và toàn diện đã đạt được, phát huy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo, thành tựu tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành từ đầu nhiệm kỳ, toàn Ngành tài nguyên và môi trường (TN&MT) đã nỗ lực, phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2024.

## II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Bám sát chủ đề điều hành của Chính phủ **“Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững”**, xác định ý nghĩa then chốt của năm 2024 và để thực hiện Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, ngay từ đầu năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nỗ lực tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung các Nghị quyết của Chính phủ, các chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ngành TN&MT<sup>2</sup> thực hiện các Nghị quyết: số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP<sup>3</sup> ngày 05/01/2024 của Chính phủ. Trong đó, đã xác định những nội dung công việc, thời gian hoàn thành cụ thể để từ đó phân giao trách nhiệm cho từng đồng chí Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trên tinh thần nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

Căn cứ 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, toàn Ngành TN&MT đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động, linh hoạt trong triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời trong phản ứng chính sách để giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Ngành. Trong đó, toàn Ngành đặt trọng tâm vào đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; tổ chức lập và triển khai thực hiện các quy hoạch; tiếp tục đề xuất các giải pháp, khơi thông các điểm nghẽn nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, phục vụ trực tiếp cho quá trình phục hồi và phát triển KT-XH.

<sup>2</sup> Quyết định số 59/QĐ-BTNMT ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

<sup>3</sup> Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024

## Phần thứ hai

# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

## I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

### 1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục là điểm sáng, nổi bật của Ngành TN&MT

#### 1.1. Tổ chức triển khai đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương

Trên cơ sở xem xét Đề án của Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 04/6/2024 Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 81-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”, trong đó, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất. Đây là cơ sở chính trị quan trọng, định hướng cho sự phát triển của Ngành TN&MT trong giai đoạn tới.

Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay về TN&MT. Trên cơ sở đó, Ban cán sự đảng Bộ đã kiến nghị với Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng về một số định hướng, quan điểm về TN&MT; tại Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII (tháng 9/2024), khi thảo luận về các văn kiện trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất quan điểm chỉ đạo tiếp tục đổi mới, trong đó một trong 5 quan điểm được xác định là: “*...đẩy mạnh toàn diện đồng bộ công cuộc đổi mới lên một tầm cao mới, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm...*”<sup>4</sup>.

#### 1.2. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Ngành TN&MT

Trong năm 2024, khối lượng công việc về xây dựng pháp luật của Bộ là rất lớn, yêu cầu về tiến độ rất cấp bách. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của lãnh đạo Bộ, sự cố gắng, nỗ lực rất cao của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì và sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong toàn Ngành, nhờ đó tiến độ và chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Bộ đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, cụ thể:

<sup>4</sup> Đề cương thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

- Bộ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan tham mưu cho Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội thông qua: Luật Đất đai năm 2024 (*tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5*); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Luật<sup>5</sup>, cho phép Luật đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành sớm hơn 05 tháng, kể từ ngày 01/8/2024 (*tại Kỳ họp thứ 7*); Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 (*tại Kỳ họp thứ 8*).

Đồng thời, trong thời gian ngắn, Bộ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ đề trình Quốc hội thông qua 02 Nghị quyết rất khó và phức tạp về quản lý đất đai (*gồm: (1) Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa; (2) Nghị quyết về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất*), đây là các văn bản rất quan trọng để thể chế hóa các quan điểm của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ về tháo gỡ các tồn tại, hạn chế, vướng mắc đối với các dự án sử dụng đất, khơi thông các điểm nghẽn, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, theo đúng tinh thần chỉ đạo về phòng, chống lãng phí của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

- Để bảo đảm triển khai thi hành đồng bộ các luật mới được Quốc hội thông qua, Bộ đã tích cực, khẩn trương chỉ đạo, tổ chức xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chi tiết có hiệu lực thi hành đồng bộ cùng với các luật, cụ thể: xây dựng, trình Chính phủ ban hành đầy đủ **06** Nghị định<sup>6</sup>, ban hành theo thẩm quyền **05** thông tư<sup>7</sup> quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2024; trình Chính phủ ban hành **02** Nghị định<sup>8</sup>, ban hành theo thẩm quyền **03** Thông tư<sup>9</sup> quy định chi tiết, hướng dẫn

<sup>5</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

<sup>6</sup> Gồm: (1) Nghị định số 42/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 quy định về hoạt động lấn biển; (2) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; (3) Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; (4) Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; (5) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; (6) Nghị định số Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

<sup>7</sup> Gồm: (1) Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; (2) Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; (3) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; (4) Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; (5) Thông tư số 12/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cá nhân hành nghề tư vấn định giá đất; khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá đất.

<sup>8</sup> Gồm: (1) Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; (2) Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

<sup>9</sup> Gồm: (1) Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; (2) Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; (3)

thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023. Đồng thời với quá trình hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, Bộ đang tổ chức xây dựng các dự thảo Nghị định, dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành Luật; trong đó, Bộ đã đề xuất Chính phủ cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn ban hành 01 Nghị định, 01 Thông tư hướng dẫn một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khoáng sản nhóm IV để bảo đảm hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025 đồng bộ cùng với Luật.

- Ngoài ra, với tinh thần cầu thị, luôn hướng về địa phương, cơ sở, Bộ đã chủ động cùng với các địa phương nắm bắt các vướng mắc trong thi hành pháp luật đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành các văn bản đề tháo gỡ<sup>10</sup>, với tinh thần phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương; đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)<sup>11</sup>.

Như vậy, trong năm 2024, Bộ đã hoàn thành việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành **15** văn bản (*gồm: 03 Luật, 02 Nghị quyết của Quốc hội, 09 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*); ban hành theo thẩm quyền **36** Thông tư.

- Tại các địa phương, cơ quan chuyên môn về TN&MT đã tham mưu, trình HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành các VBQPPL liên quan tạo lập hệ thống pháp luật về TN&MT ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống; cơ bản các VBQPPL về TN&MT được các địa phương ban hành, bám sát các nội dung được giao hướng dẫn theo thẩm quyền. Đặc biệt, đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố đã ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2024 theo thẩm quyền của địa phương<sup>12</sup>. Bộ đã đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật để kịp thời tổ chức triển khai các chính sách, pháp luật mới

---

Thông tư số 05/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

<sup>10</sup> Gồm: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2012 của Chính phủ quy định phương pháp định giá đất; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

<sup>11</sup> Theo dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đang được Bộ trình Chính phủ, sẽ thực hiện cắt giảm 11% số lượng hồ sơ TTHC phải giải quyết, phân cấp hơn 60% số hồ sơ TTHC từ cấp Bộ xuống cấp tỉnh giải quyết.

<sup>12</sup> Trong đó: (1) Có 04/63 địa phương đã ban hành đầy đủ 20 nội dung (Hải Dương, An Giang, Yên Bái và Tp. Hồ Chí Minh); (2) Có 26/63 địa phương đã cơ bản hoàn thành (ban hành từ 16 đến 19 nội dung, đạt 80% trở lên; trong đó có thành phố Hải Phòng đến thời điểm báo cáo mới ban hành được 05 nội dung, nhưng đến nay đã ban hành được 18 nội dung); (3) Có 25/63 địa phương ban hành từ 11 đến 15 nội dung (từ 50% đến 75%)....

về TN&MT như Luật Đất đai năm 2024<sup>13</sup>, Luật Tài nguyên nước năm 2023<sup>14</sup>.

**1.3. Hoàn thành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành,** Bộ đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đầy đủ **08/08** quy hoạch cấp quốc gia<sup>15</sup>; trong đó có những quy hoạch mang tính chất nền tảng (*Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia*). Qua đó tạo lập hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về TN&MT. Ngoài ra, Bộ đã hoàn thành, trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **10/15** quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành<sup>16</sup>.

**1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước của Ngành**

Thực hiện Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã tích cực, khẩn trương tổ chức tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về phương án kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ bảo đảm yêu cầu, thời hạn; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án hợp nhất Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do Bộ trưởng hai Bộ làm đồng Trưởng ban.

Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường; phê duyệt danh mục vị trí việc

<sup>13</sup> Cụ thể: Bộ đã tổ chức nhiều Hội nghị trực tuyến triển khai thi hành Luật Đất đai với các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nhiều địa phương trực tuyến đến cấp xã); chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội nghị phổ biến Luật cho gần 400 báo cáo viên các cấp; hỗ trợ 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu điểm mới, nổi bật của Luật.

<sup>14</sup> Bộ đã tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023, các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước ở ba miền Bắc, Trung, Nam; phối hợp với hơn 20 tỉnh, thành phố (như Hà Nam, Thái Bình, Hòa Bình, Ninh Bình, Lai Châu, Yên Bái, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Quảng Nam, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Bến Tre,...) tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố với tổng số đại biểu tham dự khoảng hơn 6.000 người.

<sup>15</sup> Gồm: (1) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. (3) Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (5) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (6) Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (7) Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (8) Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>16</sup> Trong đó, 08 Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông (LVS Sê San, LVS Bằng Giang – Kỳ Cùng, LVS Srepok, LVS Mã, LVS Đồng Nai, LVS Hương, LVS Hồng – Thái Bình, LVS Cửu Long); Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Còn lại 05 Quy hoạch tổng hợp lưu vực: sông Cả, sông Trà Khúc, sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Ba, sông Kôn - Hà Thanh, Bộ sẽ tiếp tục hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong năm 2025.

làm và cơ cấu ngạch công chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ; ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên Ngành TN&MT<sup>17</sup>. Hệ thống các cơ quan chuyên môn về TN&MT ở địa phương tiếp tục được sắp xếp, củng cố, kiện toàn.

Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức<sup>18</sup>; thực hiện công tác quản lý hội, kiện toàn các ban chỉ đạo, tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ liên ngành theo quy định<sup>19</sup>.

Tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy chế trong công tác cán bộ<sup>20</sup>. Đẩy mạnh việc thực hiện quản lý hồ sơ công chức, viên chức thông qua hệ thống phần mềm quản lý để từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ<sup>21</sup>.

## **2. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đơn giản hóa, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC**

Công tác cải cách hành chính (CCHC) luôn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, được Bộ quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao nhất. Năm 2024, Bộ tiếp tục quán triệt, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở TN&MT, sự phối hợp của các tổ chức đảng, đoàn thể trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ CCHC; gắn trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị; đưa nội dung, kết quả thực hiện CCHC vào nội dung giao ban định kỳ của đơn vị; lồng ghép nhiệm vụ CCHC với các nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

Song song với việc tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, Bộ đã chú trọng thực hiện cải cách mạnh mẽ TTHC. Trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Bộ đã thực hiện phân cấp triệt để, tối

<sup>17</sup> Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ TN&MT.

<sup>18</sup> Thực hiện nâng lương thường xuyên, chuyển ngạch đối với 68 cán bộ và nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc năm 2023 đối với 30 cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ.

<sup>19</sup> Bộ đã có 71 văn bản cử nhân sự tham gia các ban chỉ đạo, tổ công tác, ban soạn thảo, tổ biên tập theo đề nghị của các bộ, ngành, cơ quan; 05 quyết định thành lập, kiện toàn các ban, hội đồng của Bộ. tham gia ý kiến đối với Bộ Nội vụ về việc thành lập quỹ, việc công nhận hội đồng quản lý quỹ; làm việc với đại diện Ban sáng lập của một số Hội; cho ý kiến về việc tổ chức Đại hội của Hội Khí tượng Thủy văn Việt Nam; góp ý kiến việc điều chỉnh điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng hội Địa chất Việt Nam, Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam; việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; giải quyết kiến nghị, đề xuất của các Hội thuộc thẩm quyền (Hội Khí tượng thủy văn, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam).

<sup>20</sup> Quy định về phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ; Quy định tiêu chuẩn công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ; Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp thuộc Bộ

<sup>21</sup> Thực hiện theo Quy tắc ứng xử của công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc Bộ tại Quyết định số 4038/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT.

đa; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC. Theo đó, việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực TN&MT cơ bản được thực hiện ở địa phương, Bộ tập trung hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp, mang tính liên vùng, liên ngành.

Đẩy mạnh việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, Bộ đã triển khai, vận hành nền tảng LGSP, bảo đảm an toàn thông tin, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân và các hệ thống thông tin của Bộ với **240 dịch vụ, 1.652.593 giao dịch**; số lượng văn bản điện tử (ký số) gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng dữ liệu nội bộ là **20.593 văn bản**; tiếp tục triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, Ngành TN&MT trên môi trường điện tử, trực tuyến; kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin của Chính phủ, với các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, của các bộ, ngành qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục vận hành, cung cấp 90 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), trong đó 43 DVCTT mức độ toàn trình (chiếm tỷ lệ 47,78%); kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ đã tích hợp, cung cấp 88 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 97,8% trên tổng số 90 DVCTT đã triển khai.

Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả 03 đường dây nóng để người dân và tổ chức, doanh nghiệp có thể thông tin trực tiếp hoặc gửi những phản ánh, kiến nghị đến Bộ về những tiêu cực, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước về TN&MT và về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai.

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 của Bộ tiếp tục duy trì điểm số và thứ hạng cao, đạt **87,01/89,95 điểm, xếp thứ 5/17** Bộ, cơ quan ngang Bộ (tăng 1 bậc so với năm 2022)<sup>22</sup>. Chỉ số cải cách hành chính trong lĩnh vực TN&MT ở địa phương tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực.

### **3. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn; xử lý các yêu cầu về giám định và định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng**

Bộ đã chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác thanh tra, kiểm tra từ xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện; công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực “nóng” dễ phát sinh sai phạm,

---

<sup>22</sup> Chỉ số CCHC của Bộ giai đoạn 2016 - 2021 được cải thiện tăng dần đều qua các năm. Năm 2016, Chỉ số CCHC của Bộ đạt 49,53 điểm, xếp thứ 16/19; năm 2017 đạt 50,94 điểm, xếp thứ 10/19; năm 2018 đạt 52,17 điểm, xếp thứ 9/18; năm 2019 đạt 54,16 điểm, xếp thứ 7/17; năm 2020 đạt 58,32, xếp thứ 5/17; năm 2021 đạt 87,14, xếp thứ 6/17; năm 2022 đạt 86,59 điểm, xếp thứ 6/17; năm 2023 đạt 87,01 điểm, xếp thứ 5/17.



bảo đảm không chồng chéo giữa Bộ với các địa phương và các bộ, ngành khác; rút ngắn thời gian thanh tra, kiểm tra tại cơ sở, tránh được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra; tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động của các đoàn thanh tra đúng quy định, bảo đảm mọi hoạt động được công khai, minh bạch, không để phát sinh các hành vi nhũng nhiễu, vòi vĩnh đối với người dân và doanh nghiệp.

Trong năm 2024, Bộ đã ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024<sup>23</sup> bám sát định hướng của Thanh tra Chính phủ và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước của Bộ, đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra năm 2024 của Ngành TN&MT đến cán bộ cấp xã<sup>24</sup>. Trong năm 2024, toàn Ngành đã tiến hành **611 cuộc thanh tra, kiểm tra**, đối với 1.193 tổ chức, cá nhân. Ban hành 248 quyết định xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân với số tiền 61.692 triệu đồng, kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước 30.466 triệu đồng. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị của nhân dân. Tập trung lực lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai phức tạp, đông người; quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương. Toàn Ngành đã tổ chức tiếp 1.339 lượt với 1.531 công dân, có 40 lượt đoàn đông người với 226 người; nhận được 9.554 lượt đơn thư khiếu nại tố cáo (có 4.510 đơn không đủ điều kiện xử lý, chiếm 47,2% số đơn nhận được), số đơn đủ điều kiện xử lý là 5.044 đơn tương ứng 4.620 vụ việc. Trong quá trình giải quyết, luôn chú trọng công tác đối thoại, hòa giải và tuyên truyền chính sách pháp luật để công dân hiểu và tự nguyện rút đơn khiếu nại, do đó số vụ việc đã đình chỉ giải quyết khiếu nại lên tới 58% số vụ việc đã giải quyết thuộc thẩm quyền.

Trong năm 2024, Bộ đã tiếp nhận và thực hiện 67 Quyết định trưng cầu giám định tư pháp từ cơ quan trưng cầu giám định các cấp<sup>25</sup> (Cơ quan cảnh sát điều tra, Bộ Công an; công an cấp tỉnh; công an cấp huyện). Đang thực hiện 11 yêu cầu định giá thuộc lĩnh vực đất đai<sup>26</sup>.

<sup>23</sup> Quyết định số 4270/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2024 của Bộ; Quyết định số 4271/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Bộ.

<sup>24</sup> Với khoảng 1300 đại biểu đại diện: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

<sup>25</sup> Cụ thể như sau: lĩnh vực đất đai: 26 vụ việc; lĩnh vực khoáng sản: 31 vụ việc, lĩnh vực môi trường: 10 vụ việc. Đến nay, 31 vụ việc hoàn thành đã ban hành Kết luận giám định (lĩnh vực đất đai: 12 vụ việc; lĩnh vực khoáng sản: 13 vụ việc, lĩnh vực môi trường: 06 vụ việc), 36 vụ việc đang thực hiện (lĩnh vực đất đai: 14 vụ việc; lĩnh vực khoáng sản: 18 vụ việc, lĩnh vực môi trường: 04 vụ việc).

<sup>26</sup> Đã hoàn thành 02 yêu cầu; đang thực hiện 05 yêu cầu và 04 yêu cầu đã có văn bản trả lại Cơ quan yêu cầu định giá tuy nhiên đến nay chưa có thông tin phản hồi.

#### **4. Tích cực, chủ động, thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại, tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đón đầu các cơ hội từ xu thế phát triển**

Trong năm 2024, Bộ đã tổ chức nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng: Hội đàm giữa Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Bộ trưởng Bộ Hạ tầng và Quản lý nước Hà Lan; Hội nghị Bộ trưởng Môi trường Việt Nam - Hàn Quốc; Đối thoại chính sách Việt Nam - Nhật Bản. Bộ trưởng tham gia Đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 44-45 tại Lào; làm việc song phương với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lào. Thực hiện 21 buổi tiếp và làm việc với đối tác nước ngoài ở cấp Lãnh đạo Bộ, 44 buổi làm việc cấp Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp; hoàn thiện thủ tục trình và được phê duyệt thực hiện ký kết 17 Biên bản ghi nhớ<sup>27</sup>; tổ chức 43 hội nghị, hội thảo quốc tế, trong đó có một số hội thảo do lãnh đạo Bộ chủ trì.

Chủ động thúc đẩy đàm phán, thúc đẩy ký kết các thỏa thuận hợp tác về tài nguyên, môi trường và khí hậu, đặc biệt là Nhóm các đối tác phát triển về việc thành lập Ban thư ký thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyên đổi năng lượng công bằng (JETP), thúc đẩy hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, công lý tại Việt Nam, đón đầu các cơ hội hợp tác khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên gió, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính.

#### **5. Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Ngành**

Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ của Bộ được tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm nhằm xây dựng cơ sở khoa học hoàn thiện các chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nghiên cứu ứng dụng trong điều tra cơ bản, quy hoạch, phát triển công nghệ, chuyển đổi số trong Ngành TN&MT. Trong năm 2024, Bộ tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện 130 đề tài cấp Bộ chuyển tiếp và mở mới với tổng kinh phí phê duyệt phân bổ cho năm 2024 là 106.238 triệu đồng<sup>28</sup>. Với đặc điểm của Ngành TN&MT là ngành kinh tế - kỹ thuật chuyên sâu nên việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Bộ quan tâm, chỉ đạo xây dựng. Trong năm 2024, Bộ đã tổ chức xây dựng, hoàn thành 34 tiêu chuẩn quốc gia<sup>29</sup> (TCVN) và 11 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<sup>30</sup>.

Việc triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể về: hoàn thiện thể chế, chính sách; quy định kỹ thuật, cơ chế quản lý...

<sup>27</sup> Trong đó có 03 Biên bản ghi nhớ cấp Bộ, 14 Biên bản ghi nhớ cấp đơn vị trực thuộc Bộ.

<sup>28</sup> Trong đó: có 76 đề tài chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024, 54 đề tài mở mới trong năm 2024, trong đó có 63 đề tài sẽ kết thúc trong năm 2024

<sup>29</sup> Gồm: 23 TCVN địa chất khoáng sản, 02 TCVN khí tượng thủy văn, 06 TCVN môi trường, 01 TCVN viễn thám, 02 TCVN đất đai.

<sup>30</sup> Gồm: 03 quy chuẩn về đo đạc bản đồ; 01 quy chuẩn về KTTV và 07 quy chuẩn về môi trường.

Ngoài ra, các nhiệm vụ khoa học đã góp phần đào tạo, hỗ trợ đào tạo và công bố các sản phẩm trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước như sau: đào tạo, hỗ trợ đào tạo: 08 tiến sĩ; 55 thạc sĩ; công bố các sản phẩm trên các tạp chí: 26 bài báo ngoài nước; 79 bài báo trong nước.

Các cơ sở đào tạo của Bộ đã thực hiện đổi mới mạnh mẽ công tác: xây dựng đội ngũ, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, xây dựng cơ sở vật chất,... Trong năm 2024, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TN&MT đã tổ chức 57 khóa bồi dưỡng, tập huấn với hơn 4.889 học viên; các Trường đại học thuộc Bộ đã hoàn thành công tác tuyển sinh năm 2024, cụ thể: Trường Đại học TN&MT Hà Nội tuyển gần 3.200 sinh viên; Trường Đại học TN&MT Tp. HCM tuyển gần 1.200 sinh viên.

## **6. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH**

### ***6.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai***

Tham mưu trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1216/NQ-UBTVQH15 ngày 09/10/2024 về điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025<sup>31</sup>. Tham mưu trình Chính phủ đề trình Quốc hội phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua 03 năm thực hiện Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025, được cụ thể hóa bằng các quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, đã phát huy hiệu quả tích cực, là căn cứ để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, công nhận quyền sử dụng đất, góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các địa phương và của cả nước<sup>32</sup>.

<sup>31</sup> Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>32</sup> Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất cho thấy quy hoạch sử dụng đất đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất cho phát triển công nghiệp (**210,93 nghìn ha**), xây dựng kết cấu hạ tầng (**1.754,61 nghìn ha**), phát triển đô thị (**2.953,85 nghìn ha**), từng bước đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nhu cầu đô thị hóa. Diện tích đất chưa sử dụng đã được khai thác đưa vào sử dụng đáp ứng các mục tiêu phát triển (**61,17 nghìn ha**).

Đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc giữ diện tích đất trồng lúa (3.568,48 nghìn ha) nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; đã hạn chế được tình trạng suy thoái rừng, khôi phục và bảo vệ rừng phòng hộ (5.229,59 nghìn ha), rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng (2.455,54 nghìn ha), khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng kinh tế, nâng tỷ lệ che phủ của rừng;

Tổ chức Hội nghị trực tuyến về triển khai Luật Đất đai năm 2024 kết nối đến 63 tỉnh, thành phố; phối hợp với các địa phương tổ chức các Hội nghị triển khai thi hành Luật Đất đai<sup>33</sup>. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”<sup>34</sup> và ban hành Chỉ thị về việc Kiểm kê đất đai năm 2024<sup>35</sup>. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư<sup>36</sup>. Thực hiện vận hành 04 khối dữ liệu đất đai ở Trung ương<sup>37</sup>. Kết nối, liên thông trao đổi thông tin đất đai giữa Cơ quan đăng ký đất đai với Cơ quan thuế tại 48/63 tỉnh, thành phố; bước đầu triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đối với một số TTHC<sup>38</sup>.

Kiểm tra hoạt động tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với những trường hợp có biểu hiện bất thường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 82/CĐ-TTg ngày 21/8/2024. Tổ chức Hội nghị với các địa phương về triển khai điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024.

## ***6.2. Hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về tài nguyên nước. Tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh tài nguyên nước***

Tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>39</sup>; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng đề án thí điểm phục hồi “các dòng sông chết” nhằm khôi phục nguồn nước, tạo dòng chảy, cải tạo cảnh quan môi trường sinh thái; Đề án thành lập các

<sup>33</sup> Đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai thi hành Luật Đất đai với các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nhiều địa phương trực tuyến đến cấp xã); tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Đất đai cho gần 400 báo cáo viên các cấp; phối hợp với các tỉnh tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Đất đai cho cán bộ, công chức, người lao động đến đơn vị hành chính cấp xã như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Long An, Bắc Giang, Lào Cai, Đồng Nai, Thái Nguyên, Thái Bình, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Đắk Nông, Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Quảng Nam, Thanh Hóa, Bến Tre, Hậu Giang...; phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phổ biến cho các đối tượng là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan; phổ biến cho cán bộ, công chức của Kiểm toán Nhà nước... Bộ Ngoại giao đã tổ chức Hội nghị phổ biến cho các kiều bào trong và ngoài nước.

<sup>34</sup> Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>35</sup> Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>36</sup> Hiện nay 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với 461/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. Kết nối, liên thông trao đổi thông tin đất đai giữa Cơ quan đăng ký đất đai với Cơ quan thuế tại 46/63 tỉnh, thành phố. Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại 63/63 tỉnh, thành phố (với dữ liệu của 461/705 đơn vị cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị cấp xã).

<sup>37</sup> Gồm: Dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu Giá đất; dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai.

<sup>38</sup> Theo thống kê, đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024: (1) thủ tục “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu 7 tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận” phát sinh 26.487 hồ sơ; (2) thủ tục “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” phát sinh 113.018 hồ sơ; (3) thủ tục “Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính” phát sinh 2.039 hồ sơ.

<sup>39</sup> Gồm: Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 08 Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

Ủy ban lưu vực sông. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025 theo kế hoạch.

Thực hiện theo dõi, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ của 134 hồ chứa, đập dâng lớn quan trọng trên 11 lưu vực sông<sup>40</sup>, với việc vận hành theo các quy trình liên hồ chứa, trong các đợt mưa lũ lịch sử xảy ra ở các tỉnh ở Miền Bắc, Miền Trung, nhiều hồ chứa trên các lưu vực sông như sông Hồng, Hương, Vu Gia - Thu Bồn đã cắt trộn cơn lũ hoặc đã giảm được lưu lượng đỉnh lũ (***cắt giảm đỉnh lũ từ 30-98%***), cắt giảm tổng lượng lũ từ ***30-50%*** tổng lượng lũ. Đặc biệt là trong thời gian xảy ra cơn bão số 3 (YAGI), quy trình liên hồ đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm cắt, giảm lũ cho hạ du trên lưu vực và giảm thiểu ảnh hưởng do mưa lũ đến hạ du. Trong các đợt hạn hán 2015-2016, 2019 là những năm đặc biệt hạn hán xảy ra ở hầu hết các lưu vực, nhiều hồ thường xuyên thiếu nước phát điện nhưng trong mùa cạn các hồ đã vận hành, điều tiết, bổ sung một lượng nước tương đối lớn cho hạ du, cụ thể: tổng lượng nước mà các hồ chứa xả xuống hạ du 11 lưu vực sông trong mùa cạn ***khoảng 53 tỷ m<sup>3</sup>***, riêng khu vực Miền trung và Tây nguyên các hồ đã xả xuống hạ du ***khoảng 15,4 tỷ m<sup>3</sup>***.

Đến nay 100% hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên phạm vi cả nước đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày; khoảng 850 công trình Bộ cấp phép và hàng nghìn công trình ở địa phương được giám sát thông qua Hệ thống giám sát. Thực hiện công bố giá trị dòng chảy tối thiểu hạ lưu 725 hồ chứa, đập dâng của 644 công trình thủy lợi, thủy điện. Chỉ đạo các địa phương ban hành danh mục hồ, ao không được san lấp, lấn chiếm nhằm giảm thiểu ngập úng các đô thị và nhiều nhiệm vụ khác để cụ thể hóa Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Công bố kịch bản nguồn nước trên 02 lưu vực sông lớn quan trọng là sông Hồng - Thái Bình và sông Cửu Long. Các kịch bản được công bố sẽ phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân. Đồng thời, làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước<sup>41</sup>.

<sup>40</sup> Gồm các sông: Hồng, Mã, Cà, Hương, Vu Gia-Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn-Hà Thanh, Ba, Sê San, SrePok, Đồng Nai.

<sup>41</sup> Theo quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

### ***6.3. Phát huy vai trò nguồn lực khoáng sản, đáp ứng nguồn cung về nguyên vật liệu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược***

Bộ đã phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai các Đề án: “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng đồng bằng sông Cửu Long”; “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng”; Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trên phạm vi toàn quốc năm 2023. Nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết các vướng mắc trong hoạt động khoáng sản.

Chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng. Thực hiện phê duyệt theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn các địa phương.

Bộ đã bám sát và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thẩm định, giải quyết hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản. Rà soát, thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản, cấp phép khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chủ động hướng dẫn, thành lập Đoàn công tác liên ngành làm việc với các địa phương tháo gỡ vướng mắc, tập trung cấp phép các mỏ vật liệu san lấp để cung cấp cho các dự án đường cao tốc, các dự án giao thông trọng điểm phía Nam theo chỉ đạo của Chính phủ. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các địa phương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long phân bổ, điều phối nguồn cát đắp cho các dự án trong khu vực đáp ứng tiến độ thi công và hoàn thành các dự án.

### ***6.4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển***

Phối hợp các đơn vị liên quan thúc đẩy tiến độ các nội dung và dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Rà soát điều chỉnh các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành để tham mưu Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh các nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm. Đôn đốc công tác kiểm soát tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; theo dõi, kịp thời tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu trên biển.

Việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, triển khai, thực hiện dự án đầu tư trên biển được thực hiện theo quy định của pháp

luật, góp phần khẳng định đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, thúc đẩy phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển của Việt Nam<sup>42</sup>.

Hướng dẫn các địa phương trong quá trình thiết lập, xác định danh mục, xác định chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, đến nay, có 27/28 tỉnh<sup>43</sup>, thành phố trực thuộc Trung ương có biển phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển gồm 560 khu vực ven biển, hải đảo với tổng số gần 1.700 km (khoảng 50% chiều dài bờ biển quốc gia). Phối hợp với Văn phòng Nội các Nhật Bản tổ chức Diễn đàn đối thoại chính sách kinh tế biển Việt Nam - Nhật Bản tại Nhật Bản; chuẩn bị các nội dung, thủ tục liên quan tham dự Đại hội Biển Đông Á tại Trung Quốc. Sửa đổi quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.

### **7. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây nguy cơ ô nhiễm; triển khai quyết liệt các giải pháp bảo vệ môi trường nước, không khí, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

Bộ đã nghiêm túc quán triệt tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương giải quyết TTHC và cắt giảm mạnh mẽ TTHC về môi trường theo hướng Bộ chỉ tập trung giải quyết cho các đối tượng thực hiện trên địa bàn liên tỉnh; có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước mặt liên tỉnh; thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn (trừ các loại hình đã phân cấp)<sup>44</sup>.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT), trong đó có nhiều nhóm quy chuẩn môi trường mới. Quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được ban hành trong năm 2024 thể hiện quan điểm, định hướng của Bộ trong gian đoạn tới là chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; ngăn

<sup>42</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển đã quyết định giao được 180 khu vực biển (Bộ giao 68 khu vực, địa phương giao 122 khu vực) để khai thác năng lượng gió, cảng biển, nhận chìm ở biển, phát triển du lịch với tổng diện tích gần 7.100 ha với số tiền sử dụng khu vực biển được thu nộp vào ngân sách nhà nước gần 1.500 tỷ đồng.

<sup>43</sup> Còn lại TP.Hồ Chí Minh chưa phê duyệt.

<sup>44</sup> Theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đang được trình Chính phủ.

chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học.

Chủ động kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; theo dõi, giám sát, nắm bắt đầy đủ, kịp thời diễn biến các vấn đề môi trường, công tác bảo vệ môi trường của các đối tượng thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tế. Duy trì phương thức phối kết hợp giữa Trung ương, địa phương trong kiểm soát, giám sát, giải quyết các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các vấn đề môi trường phát sinh, đặc biệt là các cơ sở, khu vực có hoạt động sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường theo Kế hoạch tăng cường phòng ngừa, giám sát, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; duy trì vận hành thường xuyên Đường dây nóng về ô nhiễm môi trường nhằm kịp thời tiếp nhận và xử lý những phản ánh về ô nhiễm môi trường trên cả nước.

Tăng cường công tác quan trắc môi trường và đa dạng sinh học, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo về chất lượng môi trường, cung cấp thông tin về môi trường phục vụ tốt cho hoạt động phát triển KT-XH và bảo vệ sức khỏe cộng đồng với hệ thống 30 trạm quan trắc không khí tự động do Bộ quản lý và hơn 2.000 trạm quan trắc tự động không khí, nước mặt, nước ngầm và khí thải, nước thải tại các địa phương.

Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ về quản lý chất thải, từng bước thực hiện tái chế, tái sử dụng rác thải thay cho chôn lấp, giảm thiểu rác thải nhựa. Công tác quản lý CTRSH được các cấp, các ngành và toàn xã hội hết sức quan tâm; đặc biệt Bộ đã ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt<sup>45</sup>, tăng cường công tác đôn đốc, tuyên truyền, hướng dẫn địa phương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện quy định phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân<sup>46</sup>. Chỉ đạo toàn ngành thực hiện quản lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (CTNH) thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý. Chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả Con bão số 03 và mưa lũ sau bão. Tỷ lệ CTRSH, CTR công nghiệp, CTNH được thu gom, xử lý đều đạt chỉ tiêu đề ra. Đối với một số loại CTR đặc thù như tro xỉ, thạch cao, việc đảm bảo yêu cầu môi trường khi thực hiện tái chế đã được quan tâm triển khai. Tỷ lệ tro xỉ được tái sử dụng tăng mạnh, nhiều cơ sở sản xuất đạt tỷ lệ tái sử dụng cao.

<sup>45</sup> Các Thông tư: số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024; số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

<sup>46</sup> Theo lộ trình chậm nhất đến ngày 31/12/2024



Tập trung triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng môi trường (đất, nước, không khí...); từng bước khôi phục môi trường các lưu vực sông; cải thiện chất lượng môi trường không khí ở đô thị lớn. Theo đó, chất lượng môi trường được cải thiện. Mức độ ô nhiễm không khí, tình trạng ô nhiễm tại các sông, hồ nội thành, nội thị có xu hướng giảm. Ô nhiễm nước mặt chỉ xuất hiện chủ yếu ở các khu vực hạ lưu, nơi đi qua các đô thị lớn, khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển, làng nghề. Hiện Bộ đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Chỉ thị về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông.

Công tác bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đẩy mạnh; đã chủ động kiểm soát được tác động tiêu cực của các dự án, hoạt động kinh tế tới thiên nhiên, đa dạng sinh học. Số lượng các khu bảo tồn, khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn có danh hiệu quốc tế, khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế ở nước ta tiếp tục gia tăng. Quy trình kiểm dịch động, thực vật nhập khẩu được kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn ngừa các loài ngoại lai xâm hại.

## **8. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác các hiện tượng thời tiết cực đoan**

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình khí tượng thủy văn (*sau đây viết tắt là KTTV*) trên phạm vi cả nước, dự báo chi tiết đến các huyện, thị; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, đặc biệt là Con bão số 3 (YAGI).

Đến nay, hạ tầng, công nghệ phục vụ công tác dự báo, cảnh báo KTTV không ngừng được đầu tư, hiện đại hóa, mạng lưới trạm KTTV quốc gia hiện có 1778 trạm KTTV, với tỉ lệ tự động hóa các hoạt động quan trắc khí tượng đạt 40,1%, thủy văn đạt 39,4% và hải văn đạt 70,7%; tăng cường năng lực, đổi mới hệ thống xử lý, lưu trữ, truyền tin phục vụ dự báo KTTV, góp phần nâng cao năng lực, hiện đại hóa việc điều hành tác nghiệp KTTV hàng đầu khu vực Đông Nam Á<sup>47</sup>.

Độ tin cậy trong các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai (áp thấp nhiệt đới, bão, lũ...) ngày càng tăng lên; công nghệ dự báo KTTV nằm trong nhóm các

---

<sup>47</sup> Cụ thể: (i) đã hoàn thành trang bị cho 353 trạm đo mưa tự động, nâng cấp truyền tin tự động cho 61 máy gió Young khu vực ven biển và 22 điểm đo mặn; (ii) đã xây dựng, nâng cấp và trang bị đồng bộ hệ thống mạng máy tính tại 69 node mạng của Trung tâm KTTV quốc gia, tương thích với các dịch vụ mạng thế hệ mới; (iii) đã hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trạm ra đa thời tiết Vinh; (iv) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Trung tâm điều hành tác nghiệp KTTV từ năm 2015.

nước dẫn đầu Đông Nam Á và dần tiếp cận trình độ các nước tiên tiến ở châu Á. Cụ thể, trong dự báo, cảnh báo bão, độ chính xác về dự báo vị trí và cường độ bão hiện nay đã dần tiệm cận với trình độ dự báo của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới<sup>48</sup>.

### **9. Triển khai các chủ trương, giải pháp chuyển đổi xanh, giảm phát thải, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Bộ đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 02/5/2024 về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định; Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật). Bộ đã phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát năm 2024 cho các tổ chức.

Thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chỉ đạo COP26; tham mưu tổ chức Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo COP26 do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 về triển khai Tuyên bố chính trị, thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), triển khai Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP, tổng hợp kết quả đề xuất từ các Bộ, ngành, đối tác quốc tế, doanh nghiệp đề xuất các dự án thí điểm triển khai thực hiện JETP. Tích cực phối hợp với Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản và Bộ Ngoại giao Nhật Bản hoàn thiện Tuyên bố chung Cộng đồng phát thải ròng bằng “0” Châu Á (AZEC). Tổ chức Đoàn công tác của Việt Nam tham dự Hội nghị COP29 tại Cộng hòa Azerbaijan.

Tổ chức thành công các Hội nghị tuyên truyền phổ biến kiến thức về ứng phó biến đổi khí hậu, lộ trình thực hiện mục tiêu trung hòa các-bon theo cam kết tại Hội nghị COP26; Hội thảo “Ngày quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn năm 2024 - 30 năm Việt Nam tham gia Công ước Vienna và Nghị định thư Montreal”.

Tích cực tham gia phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện Đề án thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; tham gia phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển bền vững 1 triệu héc-ta lúa chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; phối hợp với Thành phố Hồ Chí Minh triển khai Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội khóa

---

<sup>48</sup> Dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới với độ tin cậy về dự báo vị trí và cường độ đạt từ 80 đến 85% trong thời hạn dự báo 24 giờ và từ 70 đến 80% trong thời hạn dự báo từ 24 đến 48 giờ; dự báo, cảnh báo mưa lớn đạt trước 2-3 ngày với độ tin cậy khoảng 75%; dự báo, cảnh báo rét đậm, rét hại gây ra bởi không khí lạnh trước 2-3 ngày với độ tin cậy 80-90%; dự báo, cảnh báo lũ trên các sông khu vực miền Trung, Tây Nguyên trước 1-2 ngày và ở khu vực Bắc Bộ trước 3-5 ngày thường đạt 70-80%; dự báo, cảnh báo các đợt nắng nóng diện rộng trước từ 2-3 ngày với độ tin cậy 70%, thời điểm kết thúc các đợt nắng nóng diện rộng chính xác từ 80-90%)

XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố về các nội dung liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính và tạo tín chỉ các-bon. Tham gia xây dựng Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa công tác quản lý dữ liệu thông tin địa lý quốc gia**

Bộ trưởng đã ban hành “*Danh mục địa danh các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và một số đối tượng địa lý khác trên vùng biển Việt Nam*”<sup>49</sup>, là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng khẳng định chủ quyền biển, đảo của tổ quốc. Phối hợp với Bộ Nội vụ tham gia kiểm tra, khảo sát, thẩm định các Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023 - 2025 của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc ương. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về đo đạc và bản đồ. Quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia an toàn, đảm bảo cung cấp dữ liệu nền địa lý, bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ cho gần 4.000 tổ chức, cá nhân, trong đó có các bộ ngành và địa phương phục vụ công tác quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, trong đó cung cấp dịch vụ chia sẻ hệ thống bản đồ hành chính, bản đồ nền địa lý trực tuyến phục vụ công tác quản lý điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các của các bộ. Quản lý, vận hành hệ thống 65 trạm định vị vệ tinh quốc gia an toàn, liên tục và hiệu quả, đảm bảo cung cấp tín hiệu cải chính định vị vệ tinh cho hơn 3.800 tổ chức và cá nhân với số phí thu được hơn 23 tỷ đồng phục vụ công tác đo đạc địa chính, địa hình, đo đạc công trình xây dựng, giao thông vận tải, dẫn đường cho hệ thống UAV nông nghiệp. Tổ chức thực hiện Dự án “Hiện đại hóa hệ thống độ cao quốc gia phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển KT-XH và ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển (2022 - 2025)”. Phối hợp Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan đàm phán, khảo sát chung giữa Việt Nam - Trung Quốc khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc bộ.

#### **11. Ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường**

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, phát triển nông nghiệp, quản lý, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giám sát về môi trường biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, giám sát khai thác mỏ trái phép. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ: giám sát biển, đảo, diễn biến vùng ô nhiễm, vùng nước thải từ các khu công nghiệp, đô thị nhằm đưa ra cảnh báo

<sup>49</sup> Thông tư số 33/2024/TT-BTNMT ngày 15/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

các vùng có nguy cơ ô nhiễm vùng kinh tế trọng điểm ven biển. Thực hiện theo dõi và cập nhật định kỳ việc thu nhận ảnh VNREDSat-1 tại Đài Viễn thám trung ương.

Cung cấp dữ liệu viễn thám quang học độ phân giải cao (VNREDSat-1, SPOT 6/7) phủ trùm lãnh thổ Việt Nam<sup>50</sup> đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh cho các Bộ ngành và địa phương. Tổng hợp dữ liệu, lập sơ đồ, bảng biểu xây dựng Báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia, Báo cáo tổng hợp về giám sát TN&MT bằng công nghệ viễn thám năm 2023. Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được

Trong năm 2024, bám sát chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn Ngành đã rất nỗ lực, quyết liệt trong giải quyết công việc, bảo đảm các hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, của Ngành được nhịp nhàng, thông suốt, đặc biệt trong bối cảnh Bộ có sự thay đổi, chuyển giao lãnh đạo. Nhiều kết quả quan trọng đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận và Nhân dân đánh giá cao, trong đó nổi bật là:

(1) Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được tập trung thực hiện, qua đó tạo lập hệ thống pháp luật về TN&MT ngày càng đồng bộ, thống nhất; giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và yêu cầu của quá trình phát triển. Công tác cải cách TTHC được thực hiện mạnh mẽ, thực chất, rút ngắn thời gian thực hiện cả ở Trung ương và địa phương.

(2) Toàn Ngành đã chủ động đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp để đảm bảo các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế như đất đai, sản xuất, tài nguyên nước, thông tin, số liệu KTTV phục vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại của đất nước.

(3) Hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của chính quyền các cấp, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhận thức của người dân đối với các vấn đề về môi trường và ý thức bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao.

(4) Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ các chiến lược, kế hoạch về ứng phó biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng; đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự ủng hộ của các đối tác trong thu hút nguồn lực phục vụ cho công tác thích ứng với biến đổi khí hậu. Làm tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan, diễn biến tình hình KTTV trên phạm vi cả nước, đáp

---

<sup>50</sup> Vận hành thu nhận tín hiệu từ vệ tinh SPOT6 ước tính tỷ lệ phủ trùm của ảnh có thể sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam đến nay chiếm khoảng 39% lãnh thổ

ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các giải pháp ứng phó; nhất là cơn bão số 3, có cường độ và phạm vi ảnh hưởng rất lớn trong nhiều năm trở lại đây.

(5) Thực hiện có hiệu quả phương châm hướng về địa phương, cơ sở để giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Tăng cường sự phối hợp, huy động sự vào cuộc, tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(6) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu trong Ngành TN&MT tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

## **2. Tồn tại, hạn chế và thách thức**

Bên cạnh các kết quả tích cực đã đạt được, toàn Ngành TN&MT vẫn đang tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế và các thách thức chủ yếu sau:

(1) Một số quy định của pháp luật về thích ứng với BĐKH, quản lý tài nguyên, BVMT chưa theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn. Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất thải còn chậm được ban hành; việc tổ chức thực thi pháp luật trong nhiều trường hợp vẫn còn hạn chế.

(2) Việc xây dựng hệ thống CSDL tổng hợp và thống nhất về tài nguyên, môi trường và BĐKH chưa hoàn thành; hệ thống CSDL của các lĩnh vực BĐKH, đất đai, tài nguyên nước, biển đảo, môi trường v.v, đang được xây dựng và quản lý phân tán; chưa có sự liên kết, tích hợp hoặc chưa có sự kết nối, chia sẻ từ trung ương đến địa phương và đến từng đối tượng quản lý để quản lý đồng bộ, thống nhất.

(3) Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho các địa phương còn thấp. Tình trạng lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên còn tồn tại như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng; khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng còn thấp, nhất là trong nông nghiệp. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng tỷ lệ còn cao.

(4) Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu phải thực hiện các cam kết về môi trường do đó cần có lộ trình để nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; lộ trình chuyển đổi công nghệ các cơ sở sản xuất lạc hậu gây nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Tốc độ đô thị hóa và mở rộng các hoạt động sản xuất nhanh đi kèm theo sự gia tăng của các nguồn gây ô nhiễm sẽ tạo áp lực rất lớn lên môi trường. Tình trạng vi phạm quy định về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra phổ biến với tính chất và mức độ rất phức tạp.

(5) Các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu được cộng đồng quốc tế đánh giá cao nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn đối với Ngành TN&MT trong thời gian tới, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, huy động hỗ trợ của quốc tế về nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản trị.

(6) An ninh nguồn nước đang trở thành vấn đề lớn trong bối cảnh phần lớn các hệ thống sông lớn của Việt Nam đều là các sông xuyên biên giới mà Việt Nam là quốc gia ở hạ nguồn<sup>51</sup>. Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai, ô nhiễm nguồn nước sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển KT-XH và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

(7) Nguồn lực (gồm cả nhân lực và vật lực) thực hiện công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ở địa phương còn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ<sup>52</sup>.

---

<sup>51</sup> Tổng lượng nước từ nước ngoài chảy vào Việt Nam là 504 tỷ m<sup>3</sup>, chiếm 60% tổng lượng dòng chảy của các sông của nước ta. Nhưng nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh của Việt Nam thì tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m<sup>3</sup> /người/năm, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á là 4.900 m<sup>3</sup> /người/năm. Theo dự báo, trong mùa khô năm 2023 - 2024, tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về hạ lưu và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm từ 10-15%, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL khả năng đến sớm hơn, cao hơn so với trung bình nhiều năm. Trong khi đó Hệ thống Thông tin, dữ liệu về Tài nguyên nước làm cơ sở cho việc quản lý, quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số còn thiếu, còn manh mún chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức.

<sup>52</sup> Ví dụ nguồn chi cho sự nghiệp môi trường ở Việt Nam mới đạt khoảng 1% tổng chi ngân sách từ năm 2006, trong khi đó, ở các nước ASEAN đầu tư cho môi trường trung bình hàng năm chiếm khoảng 1% GDP, ở các nước phát triển thường chiếm từ 3- 4% GDP theo đó tại Việt Nam còn thiếu các cơ sở xử lý chất thải quy mô cấp vùng có công nghệ xử lý hiện đại đáp ứng yêu cầu về BVMT để đủ năng lực xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn; công tác điều tra cơ bản về tài nguyên sinh vật và về đa dạng sinh học tuy có một số thành tựu, nhưng chưa mang tính hệ thống.

## Phần thứ ba

### PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm **95** năm thành lập Đảng, **80** năm thành lập Nước, **50** năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, **135** năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Biến đổi khí hậu, thiên tai, suy giảm hệ sinh thái tự nhiên đang trở thành tình trạng khẩn cấp trên toàn cầu. Các quốc gia ngày càng quan tâm thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm phát thải. Các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường, phát thải sẽ là rào cản đối với hàng hóa, sản phẩm của Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu và thâm nhập vào các thị trường các nước phát triển, nhưng đây cũng là cơ hội để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình phát triển theo xu thế của thời đại với hỗ trợ về công nghệ, nguồn vốn của các nước phát triển.

Ở trong nước, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản, vừa phải "tăng tốc, bứt phá", tập trung phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KTXH của cả nhiệm kỳ 2021 - 2025; vừa phải thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Trong bối cảnh đó Ngành TN&MT đặt mục tiêu hoàn thành toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2025 với tinh thần: ***“Mục tiêu, nhiệm vụ nào chưa hoàn thành thì phải hoàn thành; mục tiêu, nhiệm vụ nào đã hoàn thành rồi thì phải tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả”***.

#### I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

2. Tập trung chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chính sách. Bám sát tình hình thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn.

**3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.**

## **II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ**

### **1. Mục tiêu**

*a) Mục tiêu tổng quát:* Chính sách, pháp luật được hoàn thiện, bao quát toàn diện các lĩnh vực của Ngành; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, hoạt động hiệu quả; chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được đẩy mạnh, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước của Bộ và các địa phương; các nguồn lực tài nguyên được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững; chất lượng môi trường được cải thiện, kiểm soát tốt các nguồn gây ô nhiễm; chủ động, linh hoạt trong huy động các nguồn lực ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo chính xác, kịp thời tình hình khí tượng và các hiện tượng thời tiết cực đoan để chủ động phòng, chống, ứng phó.

### *b) Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể*

Trong năm 2025, toàn Ngành tài nguyên và môi trường phấn đấu hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể:

(i) Hoàn thành kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Ngành tài nguyên và môi trường theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm bộ máy mới phải tốt hơn bộ máy cũ và đi vào hoạt động ngay, không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, không để bỏ trống địa bàn, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân...

(ii) Hệ thống chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường được tổ chức thực thi đồng bộ, đầy đủ, toàn diện, thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

(iii) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu để kết nối với hệ thống thông tin đất đai, tạo cơ sở, nền tảng để chính thức vận hành cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông theo mục tiêu đã được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW vào năm 2025.

(iv) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường: trên 92% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn



môi trường; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị, 80% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn; 30 - 40% chất thải rắn sinh hoạt được xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

(v) Hoàn thành 80% diện tích lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Tây Bắc, Trung Trung Bộ.

(vi) Hoàn thành từ 90-100% các hồ chứa lớn, quan trọng hoàn thành việc cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước; hoàn thành xây dựng kịch bản nguồn nước trên 8 lưu vực sông đã có quy hoạch tổng hợp, để công bố kịch bản nguồn nước vào đầu năm 2025.

(vii) Tự động hóa 65% số trạm quan trắc khí tượng thủy văn để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(viii) Đạt 39% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000; 75% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000.

(ix) Bảo đảm 100% các trạm định vị vệ tinh quốc gia hoạt động liên tục.

## **2. Các giải pháp đột phá**

Để góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, Ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm chủ động vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội. Toàn ngành xác định các khâu đột phá để tăng tốc phát triển là:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, minh bạch; tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn trong quy định của pháp luật, xây dựng hệ thống quy hoạch đồng bộ để giải phóng, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội.

(2) Tập trung nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai (MPLIS), số hóa hồ sơ giải quyết TTHC, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các cơ sở dữ liệu quan trọng, cấp bách tạo nền tảng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

(3) Tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, đặc biệt là xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề; cải tạo, phục hồi các lưu vực sông, hồ chứa, công trình thủy lợi bị ô nhiễm nghiêm trọng. Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025**

#### **1. Các nhiệm vụ chung**

*1.1.* Tổ chức thực hiện quyết liệt, mạnh mẽ việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ và các cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường tại địa phương theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW bảo đảm tiến độ, mục tiêu theo yêu cầu.

*1.2.* Tập trung hoàn thiện thể chế tạo đột phá thúc đẩy giải phóng nguồn lực tài nguyên, phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững, trong đó:

- Triển khai đồng bộ, đầy đủ, toàn diện các quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, các quy định mới sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Hoàn thành, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và kịp thời có hiệu lực đồng thời với Luật.

- Đề xuất sửa đổi Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

*1.3.* Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Chính phủ, các địa phương, Bộ, ngành phục vụ tích hợp, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, phát triển KT-XH, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Ưu tiên xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin đất đai tập trung, thống nhất, đa mục tiêu.

Phát triển, vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, các hệ thống thông tin sử dụng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trên môi trường điện tử, kết nối, tích hợp, cung cấp thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ số tại Bộ, cung cấp cơ sở hạ tầng, nền tảng và phần mềm

ứng dụng dưới dạng dịch vụ cho các đơn vị thuộc Bộ.

**1.4.** Tổ chức thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; giao chỉ tiêu, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong kế hoạch hành động của Ngành thực hiện các Nghị quyết: số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP của Chính phủ để thống nhất triển khai, tạo được sự chuyển biến từ Trung ương tới cơ sở. Tăng cường kỷ luật ngân sách, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; định kỳ kiểm điểm đánh giá tiến độ thực hiện từng nhiệm vụ để có các giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

**1.5.** Xác định sớm nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2025 để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo giữa Trung ương và địa phương. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

**1.6.** Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Tiếp tục đơn giản hóa TTHC trong xây dựng, trình ban hành VBQPPL; tạo lập hành lang pháp lý, cơ sở dữ liệu để thực hiện cung cấp dịch vụ công nhất là trong lĩnh vực đất đai cho người dân.

**1.7.** Tăng cường chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế; tham gia tích cực vào các nỗ lực chung toàn cầu về bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, giải quyết ô nhiễm nhựa.

Đẩy mạnh tham gia các sáng kiến quốc tế và khu vực về tài nguyên và môi trường, nâng tầm ngoại giao môi trường, khí hậu nhằm thu hút nguồn lực, tri thức và kinh nghiệm phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường, góp phần phát triển bền vững đất nước.

**1.8.** Phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao; tăng cường hình thức đặt hàng của các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, giải quyết các vấn đề mới đặt ra với Ngành, đảm bảo hiệu quả, ứng dụng của các nghiên cứu, vận hành, gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Trung ương với địa phương về tài nguyên và môi trường.

**1.9.** Tăng cường công tác truyền thông để nâng cao ý thức trách nhiệm của từng người dân, tổ chức, tạo sự chuyển biến của toàn xã hội trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **2. Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành**

### **2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai**

Tổ chức thực hiện “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030 cấp quốc gia”. Hoàn thành Chiến lược sử dụng đất cấp quốc gia có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045. Chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án theo quy định.

Tổ chức triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Tham mưu tổ chức triển khai có hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố. Thực hiện theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên thị trường; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất tới từng thửa đất gắn với cơ sở dữ liệu đất đai.

### **2.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước**

Tập trung xây dựng, hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Công bố Kịch bản nguồn nước trên 6/8 lưu vực sông còn lại (Bằng Giang-Kỳ Cùng; Mã, Hương, Sê San, SrePok và Đồng Nai) làm căn cứ cho các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch sử dụng nước.

Nghiên cứu thí điểm việc quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số thông qua việc thí điểm xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trên các lưu vực sông để cơ quan quản lý Nhà nước sử dụng, thuê dịch vụ nhằm điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội trên các lưu vực sông và giảm thiểu chi phí, nhân lực của Nhà nước<sup>53</sup>.

Tăng cường giám sát, chỉ đạo việc vận hành các hồ chứa lớn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đồng thời, khẩn trương nghiên cứu xây dựng hoàn thiện các quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực bảo đảm an toàn công

<sup>53</sup> Khoản 1 Điều 4, Khoản 4 Điều 7, Khoản 3 Điều 35 và Khoản 5 Điều 38 Luật Tài nguyên nước

trình hạ du, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho các mục đích sử dụng.

Khẩn trương triển khai các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông đã được phê duyệt; các chương trình, đề án phục hồi nguồn nước theo hướng xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực nhằm làm sống lại các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, đặc biệt các sông chảy qua khu đô thị lớn, quan trọng. Tăng cường tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn, địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện Đề án “Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công”. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước ở các lưu vực sông xuyên biên giới, đặc biệt là sông Hồng và sông Mê Công.

### ***2.3. Lĩnh vực địa chất, khoáng sản***

Tổ chức xây dựng các Đề án: Đề án “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng đồng bằng sông Cửu Long”; “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng”.

Tiếp tục triển khai Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>54</sup>. Thực hiện tốt công tác giải quyết các TTHC về hoạt động khoáng sản; thẩm định kỹ để cấp phép đúng quy trình, quy định của pháp luật; rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ về thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về khoáng sản. Rà soát các Giấy phép khai thác khoáng sản chưa phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lập hồ sơ trình phê duyệt chính thức tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các giấy phép khai thác khoáng sản đã đủ căn cứ phê duyệt tiền cấp quyền khai thác. Triển khai kế hoạch kiểm tra hoạt động khoáng sản, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản. Lập Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản.

---

<sup>54</sup> Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

#### ***2.4. Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, hải đảo***

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 trên cơ sở kế hoạch tổng thể đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả của Chương trình. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, đề khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

#### ***2.5. Lĩnh vực bảo vệ môi trường***

Triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tổ chức xây dựng, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ: Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam; tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường. Kiểm soát chặt chẽ về môi trường và hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tỷ lệ 92% khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc phân loại chất thải rắn tại nguồn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn quản lý. Đôn đốc các địa phương triển khai các giải pháp cụ thể, đầu tư hạ tầng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm thực hiện quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn quốc theo quy định; có kế hoạch, lộ trình chuyển đổi công nghệ xử lý CTRSH, ưu tiên áp

dụng các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường (như: đốt thiêu hủy, đốt có thu hồi năng lượng, compost,...) nhằm phấn đấu đạt được mục tiêu về tỷ lệ chôn lấp trực tiếp dưới 30% vào năm 2025. Triển khai các giải pháp cụ thể, bảo đảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 95%; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, thu hồi năng lượng, tái chế thay thế cho hình thức chôn lấp trực tiếp.

Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Đề xuất chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam. Triển khai có hiệu quả Chương trình đối tác hành động quốc gia về chất thải nhựa. Tăng cường quản lý CTR công nghiệp thông thường. Tiếp tục đẩy mạnh quản lý CTNH; ngăn chặn hiệu quả tình trạng đổ CTNH trái phép. Từng bước thực hiện phân loại, thu gom và xử lý CTNH trong CTRSH; chú trọng quản lý chất thải điện tử. Tổ chức thực hiện hiệu lực, hiệu quả các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ (EPR).

Triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí giai đoạn 2026 - 2031. Tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí, thực hiện kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trong quan trắc môi trường không khí, đặc biệt tại một số thành phố thường xuyên có chất lượng không khí kém; công bố kết quả quan trắc và kịp thời cảnh báo ô nhiễm không khí cho cộng đồng.

Tổ chức thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt và xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với một số lưu vực sông liên tỉnh, tập trung cho lưu vực sông liên tỉnh: Cầu, Nhuệ - Đáy, Vu Gia - Thu Bồn, Đồng Nai. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông, đặc biệt là Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải sau khi được phê duyệt.

Tổ chức thực hiện rà soát, điều tra, đánh giá, khoanh vùng các khu vực ô nhiễm môi trường đất và khu vực đất ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng để xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất; phối hợp, hỗ trợ các địa phương triển khai có hiệu quả việc xử lý các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

Củng cố, tăng cường hệ thống di sản thiên nhiên, trong đó ưu tiên tăng cường năng lực và nguồn lực cho quản lý và BVMT các di sản thiên nhiên; thành lập mới, đề xuất các tổ chức quốc tế công nhận danh hiệu cho các di sản thiên nhiên. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Triển khai các công cụ, giải pháp, hướng dẫn bảo vệ cảnh quan thiên nhiên gắn với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, BVMT, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **2.6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn**

Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật KTTV để thực thi hiệu quả Luật KTTV, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động KTTV phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy lùi tình trạng vi phạm hành lang kỹ thuật trạm KTTV.

Làm tốt công tác dự báo KTTV thực hiện dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV phục vụ đời sống dân sinh và phát triển KT-XH, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai..

Triển khai thực hiện Đề án “Cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam”; nghiên cứu, đề xuất Chính phủ phê duyệt “Chương trình tổng thể về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng trung du và miền núi phía Bắc”.

## **2.7. Lĩnh vực biến đổi khí hậu**

Chủ động tham mưu các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn; theo dõi thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và xây dựng NDC cho giai đoạn 2025 - 2035. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính các cấp, các giải pháp đẩy mạnh thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn. Theo dõi, đánh giá việc triển khai hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành về ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật năm 2024); triển khai Hệ thống giám sát đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; tham mưu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26... Xây dựng NDC lần thứ hai của Việt Nam cho giai đoạn 2025 - 2035 (NDC 3.0).

## **2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý**

Hoàn chỉnh Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam; xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào; xây dựng các



điểm mốc cơ sở theo đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam. Tiếp tục cung cấp dịch vụ định vị chính xác phát triển hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) thu nhận, quản lý, phân tích, xử lý, cung cấp các thông tin, số liệu quan trắc, điều tra, đo đạc theo thời gian thực để triển khai các ứng dụng thông minh, tự động hóa, từng bước chuyển đổi số Ngành tài nguyên và môi trường. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hệ độ cao quốc gia nhằm sớm công bố hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng về phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bổ sung, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia ở các tỷ lệ hiện đại đồng bộ, thống nhất trong cả nước trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương phục vụ quản lý lãnh thổ, phục vụ quy hoạch, phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và các nhu cầu khác của xã hội.

### ***2.9. Lĩnh vực viễn thám***

Tiếp tục theo dõi, cung cấp thường xuyên, đột xuất thông tin về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ các lĩnh vực của Ngành; cập nhật thường xuyên dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ nhu cầu của các Bộ, ngành và địa phương trong xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội; theo dõi, giám sát một số loại hình sử dụng đất, giám sát biến động khu vực biên giới đất liền. Thường xuyên giám sát biến động nguồn nước, giám sát các biến động khu vực biên giới quốc gia: Sử dụng công nghệ viễn thám theo dõi, giám sát biến động sử dụng đất, dân cư, xây dựng các nhà máy thủy điện, đập thủy lợi đầu nguồn và các hoạt động khác trên khu vực biên giới đất liền; Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí, nước từ các nguồn xuyên biên giới./.